

Số: /QĐ-UBND

Thanh An, ngày tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn xã Thanh An .**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Công văn số 1603/UBND-VX ngày 05 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Minh Long, về việc thống nhất kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 xã Thanh An;*

*Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Văn hóa – xã hội xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt kết quả tổng điều tra xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 theo chuẩn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Thanh An, áp dụng từ ngày 01/01/2025, cụ thể như sau:

Tổng số hộ trên địa bàn xã là: 950 hộ.

Trong đó:

+ Hộ nghèo là: 96 hộ, chiếm tỷ lệ 10,10%.

+ Hộ cận nghèo là: 26 hộ, chiếm tỷ lệ 2,73%

*(Chi tiết của từng thôn có phụ lục và danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ban chỉ đạo rà soát xã, Công chức Văn phòng UBND xã, Công chức Văn hóa xã hội, trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;
- UBND huyện;
- Phòng LĐTBXH huyện;
- TT Đảng ủy, TTHĐND xã;
- MTTQVN xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Đinh Văn Dục**

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 14/11/2024 của UBND xã Thanh An)

| TT | Khu vực/Địa bàn | Tổng số hộ dân cư<br>(tại thời điểm rà soát) |           | Kết quả rà soát  |       |                      |       |
|----|-----------------|----------------------------------------------|-----------|------------------|-------|----------------------|-------|
|    |                 |                                              |           | Tổng số hộ nghèo |       | Tổng số hộ cận nghèo |       |
|    |                 | Số hộ                                        | Nhân khẩu | Số hộ            | Tỷ lệ | Số hộ                | Tỷ lệ |
| A  | B               | 1                                            | 2         | 3                | 4     | 5                    | 6     |
| 1  | Đồng Vang       | 186                                          | 709       | 16               | 8.60  | 5                    | 2.69  |
| 2  | Gò Nhiêu        | 158                                          | 583       | 15               | 9.49  | 4                    | 2.53  |
| 3  | An Phương       | 126                                          | 525       | 13               | 10.32 | 4                    | 3.17  |
| 4  | Thượng Đố       | 145                                          | 576       | 16               | 11.03 | 4                    | 2.76  |
| 5  | An Thanh        | 144                                          | 584       | 18               | 12.50 | 4                    | 2.78  |
| 6  | Đồng Cần        | 191                                          | 711       | 18               | 9.42  | 5                    | 2.62  |
|    | Tổng cộng       | 950                                          | 3688      | 96               | 10.11 | 26                   | 2.74  |

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH HỘ NGHÈO XÃ THANH AN CUỐI NĂM 2024**  
**Chuẩn giai đoạn 2022-2025**  
(Ban hành Kèm theo quyết định số      Ngày      tháng 12 năm 2024 của UBND xã  
Thanh An)

| TT       | Họ và tên chủ hộ  | Dân tộc | Giới tính<br>(Nam 1, Nữ 2) | Ngày, tháng, năm sinh | Địa chỉ<br>(ghi theo thứ tự thôn/tổ) | Ghi chú |
|----------|-------------------|---------|----------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Hộ nghèo</b>   |         |                            |                       |                                      |         |
| 01       | Đinh Văn Mạnh     | Hre     | 1                          | 5/6/1946              | Đồng Vang                            |         |
| 02       | Lê Thị Hồng Sương | Kinh    | 2                          | 1/4/1954              | Đồng Vang                            |         |
| 03       | Đinh Thị Eo       | Hre     | 2                          | 1/1/1962              | Đồng Vang                            |         |
| 04       | Đinh Thị Khoảnh   | Hre     | 2                          | 1/1/1950              | Đồng Vang                            |         |
| 05       | Đinh Thị Váy      | Hre     | 2                          | 1/1/1959              | Đồng Vang                            |         |
| 06       | Đinh Thị Bay      | Hre     | 2                          | 1/1/1964              | Đồng Vang                            |         |
| 07       | Đinh Thị Lười     | Hre     | 2                          | 1/1/1975              | Đồng Vang                            |         |
| 08       | Đinh Thị Vấp      | Hre     | 2                          | 1/1/1958              | Đồng Vang                            |         |
| 09       | Đinh Thị Gửi      | Hre     | 2                          | 1/1/1943              | Đồng Vang                            |         |
| 10       | Đinh Văn Trỗi     | Hre     | 1                          | 1/1/1990              | Đồng Vang                            |         |
| 11       | Đinh Văn Diệp     | Hre     | 1                          | 1/1/1990              | Đồng Vang                            |         |
| 12       | Đinh Thị Tranh    | Hre     | 2                          | 2/9/1992              | Đồng Vang                            |         |
| 13       | Đinh Mùi          | Hre     | 1                          | 10/7/1959             | Đồng Vang                            |         |
| 14       | Đinh Văn Bin      | Hre     | 1                          | 23/3/1964             | Đồng Vang                            |         |
| 15       | Đinh Thị Xây      | Hre     | 2                          | 1/12/1959             | Đồng Vang                            |         |
| 16       | Đinh Tê           | Hre     | 1                          | 1/1/1965              | Đồng Vang                            |         |
| 17       | Đinh Thị Gia      | Hre     | 2                          | 1/1/1939              | Gò Nhiêu                             |         |
| 18       | Đinh Dôm          | Hre     | 1                          | 1/12/1936             | Gò Nhiêu                             |         |
| 19       | Đinh Văn Hành     | Hre     | 1                          | 13/7/1958             | Gò Nhiêu                             |         |
| 20       | Đinh Thị Nẫu      | Hre     | 2                          | 1/1/1958              | Gò Nhiêu                             |         |
| 21       | Đinh Thị Dút      | Hre     | 2                          | 1/1/1961              | Gò Nhiêu                             |         |

|    |               |     |   |            |           |  |
|----|---------------|-----|---|------------|-----------|--|
| 22 | Đinh Thị Mưa  | Hre | 2 | 10/4/1977  | Gò Nhiêu  |  |
| 23 | Đinh Gàn      | Hre | 1 | 1/1/1956   | Gò Nhiêu  |  |
| 24 | Đinh Văn Tim  | Hre | 1 | 1/1/1977   | Gò Nhiêu  |  |
| 25 | Đinh Văn Xom  | Hre | 1 | 3/7/1977   | Gò Nhiêu  |  |
| 26 | Đinh Thị Lố   | Hre | 2 | 1/1/1964   | Gò Nhiêu  |  |
| 27 | Đinh Thị Ấp   | Hre | 2 | 1/1/1963   | Gò Nhiêu  |  |
| 28 | Đinh Văn Cói  | Hre | 1 | 1/1/1966   | Gò Nhiêu  |  |
| 29 | Đinh Thị Dày  | Hre | 2 | 1/1/1965   | Gò Nhiêu  |  |
| 30 | Đinh Thị Kể   | Hre | 2 | 1/1/1985   | Gò Nhiêu  |  |
| 31 | Đinh Văn Lối  | Hre | 1 | 1/1/1979   | Gò Nhiêu  |  |
| 32 | Đinh Thị Lủi  | Hre | 2 | 1/1/1966   | An Phương |  |
| 33 | Đinh Thị Đuổi | Hre | 2 | 8/10/1956  | An Phương |  |
| 34 | Đinh Thị Tiểu | Hre | 2 | 1/1/1956   | An Phương |  |
| 35 | Đinh Thị Ổi   | Hre | 2 | 1/1/1971   | An Phương |  |
| 36 | Đinh Thị Oi   | Hre | 2 | 1/1/1961   | An Phương |  |
| 37 | Đinh Qua      | Hre | 1 | 10/1/1983  | An Phương |  |
| 38 | Đinh Thị Tăm  | Hre | 2 | 10/10/1980 | An Phương |  |
| 39 | Đinh Văn An   | Hre | 1 | 6/5/1987   | An Phương |  |
| 40 | Đinh Tây      | Hre | 1 | 1/1/1959   | An Phương |  |
| 41 | Đinh Thị Bí   | Hre | 2 | 1/1/1970   | An Phương |  |
| 42 | Đinh Thị Lễ   | Hre | 2 | 11/5/1967  | An Phương |  |
| 43 | Đinh Thị Reo  | Hre | 2 | 3/2/1965   | An Phương |  |
| 44 | Đinh Dương    | Hre | 1 | 1/1/1983   | An Phương |  |
| 45 | Đinh Thị Lêu  | Hre | 2 | 1/1/1941   | Thượng Đố |  |
| 46 | Đinh Thị Ôm   | Hre | 2 | 1/1/1981   | Thượng Đố |  |
| 47 | Đinh Dầu      | Hre | 1 | 1/1/1969   | Thượng Đố |  |
| 48 | Đinh Nhá      | Hre | 1 | 1/1/1959   | Thượng Đố |  |
| 49 | Đinh Lễ       | Hre | 1 | 1/1/1960   | Thượng Đố |  |
| 50 | Đinh Trinh    | Hre | 1 | 1/1/1962   | Thượng Đố |  |
| 51 | Đinh Văn Liễu | Hre | 1 | 2/10/1961  | Thượng Đố |  |
| 52 | Đinh Thị Bối  | Hre | 2 | 9/1/2004   | Thượng Đố |  |

|    |                |      |   |            |           |  |
|----|----------------|------|---|------------|-----------|--|
| 53 | Đinh Cỏi       | Hre  | 1 | 1/1/1964   | Thượng Đố |  |
| 54 | Đinh Văn Cờ    | Hre  | 1 | 1/1/1973   | Thượng Đố |  |
| 55 | Đinh Văn Nghi  | Hre  | 1 | 12/2/1984  | Thượng Đố |  |
| 56 | Đinh Thị Òa    | Hre  | 2 | 5/2/1981   | Thượng Đố |  |
| 57 | Đinh Thị Thê   | Hre  | 2 | 12/1/1985  | Thượng Đố |  |
| 58 | Đinh Thị Ý     | Hre  | 2 | 1/1/1964   | Thượng Đố |  |
| 59 | Đinh Hoanh     | Hre  | 1 | 1/1/1958   | Thượng Đố |  |
| 60 | Đinh Văn Côm   | Hre  | 1 | 1/1/1978   | Thượng Đố |  |
| 61 | Đinh Lít       | Hre  | 1 | 2/9/1959   | An Thanh  |  |
| 62 | Tôn Nghĩa      | Kinh | 1 | 23/4/1964  | An Thanh  |  |
| 63 | Đinh Thị Âm    | Hre  | 2 | 1/1/1953   | An Thanh  |  |
| 64 | Đinh Văn Enh   | Hre  | 1 | 1/12/1964  | An Thanh  |  |
| 65 | Phạm Văn Bé    | Hre  | 1 | 20/7/1977  | An Thanh  |  |
| 66 | Đinh Phú       | Hre  | 1 | 26/11/1961 | An Thanh  |  |
| 67 | Đinh Thị Thanh | Hre  | 2 | 1/1/1956   | An Thanh  |  |
| 68 | Đinh Thị Prúp  | Hre  | 1 | 31/5/1957  | An Thanh  |  |
| 69 | Đinh Thị Kê    | Hre  | 2 | 1/1/1960   | An Thanh  |  |
| 70 | Đinh Thị Nghĩa | Hre  | 2 | 12/9/1961  | An Thanh  |  |
| 71 | Đinh Thị Bối   | Hre  | 2 | 1/1/1970   | An Thanh  |  |
| 72 | Đinh Công Vô   | Hre  | 1 | 2/9/1961   | An Thanh  |  |
| 73 | Đinh Văn Triệu | Hre  | 1 | 9/9/1960   | An Thanh  |  |
| 74 | Đinh Văn Iếp   | Hre  | 1 | 1/1/1946   | An Thanh  |  |
| 75 | Đinh Thị Thúy  | Hre  | 2 | 1/1/1998   | An Thanh  |  |
| 76 | Đinh Thị Tho   | Hre  | 2 | 14/10/1953 | An Thanh  |  |
| 77 | Đinh Thị Một   | Hre  | 2 | 29/3/1993  | An Thanh  |  |
| 78 | Đinh Thị Tiêu  | Hre  | 2 | 15/8/1989  | An Thanh  |  |
| 79 | Đinh Văn Sức   | Hre  | 1 | 9/5/1996   | Đồng Càn  |  |
| 80 | Đinh Văn Nga   | Hre  | 1 | 1/1/1974   | Đồng Càn  |  |
| 81 | Đinh Văn Dương | Hre  | 1 | 3/7/1982   | Đồng Càn  |  |
| 82 | Đinh Thị Bé    | Hre  | 2 | 1/12/1961  | Đồng Càn  |  |
| 83 | Đinh Ghi       | Hre  | 1 | 1/1/1956   | Đồng Càn  |  |

|           |                      |      |   |            |           |  |
|-----------|----------------------|------|---|------------|-----------|--|
| 84        | Đinh Văn Chôm        | Hre  | 1 | 11/2/1945  | Đồng Cần  |  |
| 85        | Trần Thị Minh Hiếu   | Kinh | 2 | 2/11/1974  | Đồng Cần  |  |
| 86        | Đinh Thị Kêm         | Hre  | 2 | 1/1/1959   | Đồng Cần  |  |
| 87        | Đinh Thị Tiên        | Hre  | 2 | 1/1/1963   | Đồng Cần  |  |
| 88        | Đinh Thị Phin        | Hre  | 2 | 1/1/1975   | Đồng Cần  |  |
| 89        | Đinh Lôi             | Hre  | 1 | 1/1/1962   | Đồng Cần  |  |
| 90        | Đinh Thị Khây        | Hre  | 2 | 1/1/1971   | Đồng Cần  |  |
| 91        | Võ Thị Thúy Ra       | Kinh | 2 | 18/3/1995  | Đồng Cần  |  |
| 92        | Nguyễn Thị Thành     | Kinh | 2 | 1/1/1927   | Đồng Cần  |  |
| 93        | Đinh Thị Táy         | Hre  | 2 | 1/5/1983   | Đồng Cần  |  |
| 94        | Đinh Văn Tăng        | Hre  | 1 | 10/2/1988  | Đồng Cần  |  |
| 95        | Đinh Văn Phù         | Hre  | 1 | 1/1/1991   | Đồng Cần  |  |
| 96        | Nguyễn Thị Tường     | Kinh | 2 | 14/5/1954  | Đồng Cần  |  |
| <b>II</b> | <b>Hộ cận nghèo</b>  |      |   |            |           |  |
| 01        | Đinh Văn Lật         | Hre  | 1 | 1/1/1966   | Đồng Vang |  |
| 02        | Đinh Văn Hồ          | Hre  | 1 | 1/1/1975   | Đồng Vang |  |
| 03        | Đinh Thị Tài         | Hre  | 2 | 1/1/1976   | Đồng Vang |  |
| 04        | Đinh Văn Bộ          | Hre  | 1 | 6/1/1951   | Đồng Vang |  |
| 05        | Đinh Văn Bi          | Hre  | 1 | 23/3/1964  | Đồng Vang |  |
| 06        | Đinh Thị Dền         | Hre  | 2 | 1/1/1959   | Gò Nhiêu  |  |
| 07        | Đinh Văn Béo         | Hre  | 1 | 1/1/1975   | Gò Nhiêu  |  |
| 08        | Đinh Thị Cây         | Hre  | 2 | 2/1/1943   | Gò Nhiêu  |  |
| 09        | Đinh Rời             | Hre  | 1 | 09/10/1877 | Gò Nhiêu  |  |
| 10        | Đinh Kỷ              | Hre  | 1 | 1/1/1965   | An Phương |  |
| 11        | Đinh Văn Măng        | Hre  | 1 | 1/1/1974   | An Phương |  |
| 12        | Đinh Thị Lít         | Hre  | 2 | 1/1/1976   | An Phương |  |
| 13        | Đinh Văn Reo         | Hre  | 1 | 10/6/1971  | An Phương |  |
| 14        | Đinh Văn Trới (Trối) | Hre  | 1 | 1/1/1958   | Thượng Đố |  |
| 15        | Đinh Thị Dố          | Hre  | 2 | 1/1/1973   | Thượng Đố |  |
| 16        | Đinh Văn Sim         | Hre  | 1 | 7/9/1999   | Thượng Đố |  |
| 17        | Đinh Văn Vóc         | Hre  | 1 | 7/7/1978   | Thượng Đố |  |
| 18        | Đinh Thơ             | Hre  | 1 | 10/12/1972 | An Thanh  |  |
| 19        | Đinh Thị Múi         | Hre  | 2 | 1/12/1936  | An Thanh  |  |
| 20        | Đinh Văn Ngô         | Hre  | 1 | 20/10/1985 | An Thanh  |  |
| 21        | Đinh Thiêu           | Hre  | 1 | 13/6/1987  | An Thanh  |  |
| 22        | Đinh Thị Beo         | Hre  | 2 | 29/3/1993  | Đồng Cần  |  |
| 23        | Đinh Văn Ngúi        | Hre  | 1 | 1/1/1972   | Đồng Cần  |  |
| 24        | Đinh Văn Ngược       | Hre  | 1 | 10/10/1967 | Đồng Cần  |  |

|                                                        |               |     |   |            |          |  |
|--------------------------------------------------------|---------------|-----|---|------------|----------|--|
| 25                                                     | Đinh Văn Bênh | Hre | 1 | 10/10/1989 | Đồng Cần |  |
| 26                                                     | Đinh K Ráp    | Hre | 1 | 23/8/1992  | Đồng Cần |  |
| <b>Tổng cộng: (I+II): 96 hộ nghèo: 26 hộ cận nghèo</b> |               |     |   |            |          |  |